

Bản án số: 92/2024/HS-PT
Ngày 12-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thắm;

Ông Trương Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2024/TLPT-HS ngày 09 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thị T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 65/2024/HS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị T, sinh năm 1985, tại tỉnh Ninh Bình; nơi thường trú: số I, đường H, khu phố E, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1968; bị cáo có 01 con, sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ ngày 25/4/2023 đến ngày 04/5/2023 được trả tự do, bị khởi tố và cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đỗ Thị Hoài L, là Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Minh C thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không liên quan đến kháng cáo và không có kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhà nghỉ A, địa chỉ số B, đường D, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương do chị Nguyễn Thị Vân A đứng tên đăng ký kinh doanh, theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 46G8032642, do Phòng Tài chính kế hoạch Ủy ban nhân dân thị xã D (nay là thành phố D) cấp ngày 25/3/2019. Nguyễn Thị Vân A ủy quyền cho Nguyễn Thị T trực tiếp quản lý, điều hành kinh doanh, quyết định toàn bộ các vấn đề liên quan đến việc kinh doanh. Do mới hoạt động, thường xuyên vắng khách, thu nhập hạn chế nên Nguyễn Thị T đăng quảng cáo Nhà nghỉ A trên trang mạng Agoda và B, đồng thời để lại các số điện thoại liên lạc 0988.915965; 0935.491985.

Tòng Thị X; Phạm Thị G; Trần Hoài N và Tòng Thị U là các gái bán dâm không có nghề nghiệp ổn định, cần tiền tiêu xài nên khoảng tháng 4/2023 đã gặp Nguyễn Thị T thỏa thuận và xin bán dâm cho khách tại Nhà nghỉ A thì T đồng ý.

Sau đó, Nguyễn Thị T kêu Tòng Thị X, Tòng Thị B1, Phạm Thị G, Trần Hoài N và Tòng Thị U dọn đến nhà nghỉ A. Thụý bố trí X, B1 và U ở phòng số 301, bố trí N ở phòng số 201, bố trí G ở phòng số 204, với số tiền thuê phòng từ 700.000 đồng đến 2.000.000 đồng/tháng/phòng. Ngoài ra, Nguyễn Thị T còn hướng dẫn cho X, B1, G, N, U cách thức hoạt động bán dâm trong nhà nghỉ, cách thức sinh hoạt bên trong nhà nghỉ để tránh sự phát hiện của lực lượng Công an, đồng thời, chuẩn bị bao cao su để sẵn ở hành lang của mỗi lầu để X, B1, G, N, U lấy cho khách sử dụng. Bản thân Nguyễn Thị T không nhận tiền môi giới từ việc bán dâm của người bán dâm. Tuy nhiên, T thu lợi bất chính từ việc cho người bán dâm thuê phòng ở tại nhà nghỉ của mình; cho khách và người bán dâm thuê phòng thực hiện hành vi “mua bán dâm”. Nếu lượng khách của gái bán dâm nhiều tương ứng với doanh thu của nhà nghỉ sẽ cao, mang lại lợi nhuận cho T.

Để tìm được khách mua dâm thì X, B1, G, N, U liên hệ với admin của trang web “gaigu7.tv” nhờ đăng tải: hình ảnh, thông tin cá nhân, số điện thoại, số tiền bán dâm để cho khách xem và lựa chọn, các trang web này thu phí ban đầu số tiền 3.000.000 đồng, đồng thời mỗi tháng người bán dâm sẽ phải đóng phí duy trì tài khoản trên trang web số tiền 5.000.000 đồng. Những người quản lý trang web “gaigu7.tv” đăng thông tin của X, B1, G, N, U lên trang “gai.to” để cho khách xem và lựa chọn.

Ngày 25/4/2023, Nguyễn Văn N1 và Nguyễn Tuấn K có nhu cầu mua dâm nên đã vào trang web “gai.to” để tìm gái bán dâm. Sau khi tìm kiếm, N1 gọi điện thoại đến số 0866.895337 của Tòng Thị B1 thỏa thuận một lần bán dâm số tiền 400.000 đồng, K gọi điện thoại đến số 0896.906.875 của Tòng Thị X thỏa thuận một lần bán dâm số tiền 500.000 đồng và được hẹn vào nhà nghỉ A tại địa chỉ số B, đường D, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương thuê phòng, nhấn số phòng cho B1 và X đến phòng bán dâm. Sau đó, N1 và B1 ở phòng 105, K và X ở phòng số 101, trong lúc, đang thực hiện hành vi quan hệ tình dục thì

Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương kiểm tra phát hiện lập biên bản (tại phòng N1 và K chưa đưa tiền mua dâm). Lúc này, U, N và G vẫn đang ở các phòng đã được bố trí để chờ khách đến mua dâm nên mời về làm việc. Quá trình điều tra, xác định: Phạm Thị G và Tòng Thị B1 đến nhà nghỉ Á từ ngày 16/4/2023 đến ngày 25/4/2023; Tòng Thị X, Tòng Thị U đến ở nhà nghỉ Á từ ngày 19/4/2023 đến ngày 25/4/2023; Trần Hoài N đến ở nhà nghỉ Á từ ngày 23/4/2023 đến ngày 25/4/2023. Đồng thời G, B1, X, U và N đã “bán dâm” cho khách tại nhà nghỉ Á nhiều lần (mỗi gái bán dâm có hành vi bán dâm từ 01- 04 lần/ngày). Cùng ngày, Nguyễn Thị T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đầu thú hành vi “Chứa mại dâm”.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 02 bao cao su đã sử dụng và 02 vỏ bao cao su màu trắng đỏ có chữ doctor.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro max màu xanh, số imei: 358686414324982 gắn sim số 0988.915965 của bị cáo Nguyễn Thị T.
- Số tiền của khách mua dâm 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng).

* Đối với Tòng Thị X, Tòng Thị B1 có hành vi “Bán dâm”, ngày 02/5/2023 Công an thành phố D đã ra Quyết định xử phạt hành chính số tiền 400.000 đồng/người quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định 144/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ.

* Đối với Nguyễn Văn N1 và Nguyễn Tuấn K1 có hành vi “Mua dâm”, ngày 02/5/2023 Công an thành phố D đã ra Quyết định xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng/người quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định 144/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ.

* Đối với bà Nguyễn Thị Vân A là người đứng tên đăng ký kinh doanh nhà nghỉ Á, bà Vân A ủy quyền nhà nghỉ Á cho Nguyễn Thị T quản lý việc kinh doanh, bà Vân A không biết việc T sử dụng nhà nghỉ để hoạt động mua bán dâm nên không đủ cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị Vân A.

* Đối với Phạm Thị G, Trần Hoài N, Tòng Thị U khai nhận có bán dâm tại nhà nghỉ Á nhiều lần, tuy nhiên, không xác định được người mua dâm, các lần bán dâm nên không xử phạt hành chính về hành vi “Bán dâm” đối với Phạm Thị G, Trần Hoài N, Tòng Thị U.

* Đối với số tiền 4.000.000 đồng, Nguyễn Thị T thu lợi bất chính từ việc chứa mại dâm, cần yêu cầu T giao nộp để sung ngân sách Nhà nước.

* Đối với việc, T khai nhận: T có hành vi giới thiệu khách (02 lần) cho gái bán dâm nhưng chưa bán dâm được, cũng không xác định được người mua dâm nên không có căn cứ xử lý T về tội “Môi giới mại dâm”, quy định tại Điều 328 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2024/HS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 01/2024/QĐ-SCBSBA ngày 08/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Thị T** phạm tội “Chứa mại dâm”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T** 05 (năm) tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đề thi hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/4/2023 đến ngày 04/5/2023

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024, bị cáo có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giảm mức hình phạt cho bị cáo qua khung liên kề và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về thời hạn kháng cáo đúng theo thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xem xét theo thủ tục phúc thẩm là đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật tại các Điều 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt chuyển qua khung hình phạt liên kề và được hưởng án treo. Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội “Chứa mại dâm” với tình tiết định khung tăng nặng đối với 04 người trở lên quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Nguyễn Thị T** về tội danh, điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nên mức hình phạt của Toà án cấp sơ thẩm áp dụng là phù hợp đối với bị cáo. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Về yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo thì mức hình phạt áp dụng với bị cáo là không đủ điều kiện để cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố Dĩ An.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo phạm tội lần đầu, thời gian thực hiện phạm tội ngắn; điều kiện hoàn cảnh phạm tội của bị cáo trong tình hình kinh tế khó khăn, bị cáo mới kinh doanh nên số lượng khách ít, ban đầu bị cáo không biết người thuê nhà nghỉ là dùng vào mục đích bán dâm, số lượng người mại dâm hành nghề tại **nhà nghỉ I**; số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ tiền cho thuê nhà nghỉ ít không đáng kể. Gia đình bị cáo có ông nội, ông ngoại tham gia kháng chiến chống Mỹ, được tặng huân huy chương kháng chiến. Bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương chính sách pháp luật của Nhà nước và chấp hành

đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú. Bị cáo tham gia làm từ thiện. Hiện bị cáo đang bị bệnh tim, phải nuôi con nhỏ, mẹ già và bà ngoại. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết những vấn đề sau đây: giảm mức hình phạt cho bị cáo được hưởng khung liên kè là 36 tháng và được hưởng án treo, để bị cáo có điều kiện cải tạo làm người công dân tốt, vừa có thể lao động nuôi dạy con nhỏ, phụng dưỡng mẹ già và bà ngoại và chữa trị bệnh tật.

Bị cáo không tranh luận; trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo để bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc cho gia đình, nuôi con nhỏ và mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định: bị cáo Nguyễn Thị T thuê Nhà nghỉ Á tại địa chỉ số B, đường D, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương do bà Nguyễn Thị Vân A làm chủ bằng hình thức ủy quyền. Nguyễn Thị T sắp xếp cho Tòng Thị X, Tòng Thị B1, Phạm Thị G, Trần Hoài N và Tòng Thị U là những người bán dâm ở lại nhà nghỉ. Ngoài ra, Nguyễn Thị T còn hướng dẫn cho X, B1, G, N, U cách thức hoạt động bán dâm trong nhà nghỉ, cách thức sinh hoạt bên trong nhà nghỉ để tránh sự phát hiện của lực lượng Công an. Đồng thời, chuẩn bị bao cao su để sẵn ở hành lang của mỗi lầu để X, B1, G, N, U lấy cho khách sử dụng. Trong khoảng thời gian từ ngày 16/4/2023 đến ngày 25/4/2023, bị cáo Nguyễn Thị T chứa mại dâm cho Tòng Thị X, Tòng Thị B1, Phạm Thị G, Trần Hoài N và Tòng Thị U nhiều lần mua bán dâm tại Nhà nghỉ Á. Ngày 25/4/2023, bị cáo Nguyễn Thị T có hành vi chứa Tòng Thị Bình bán d cho Nguyễn Văn N1; Tòng Thị X bán dâm cho Nguyễn Tuấn K tại Nhà nghỉ Á thì bị bắt quả tang.

Xét thấy, bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi chứa mại dâm của mình là trái pháp luật nhưng vì lợi ích cá nhân vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi của bị cáo đã hội đủ các yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm” và thuộc tình tiết định khung tăng nặng “Chứa mại dâm 04 người trở lên” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị T về tội danh, điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T, với lý do bị cáo bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ (như bị cáo phạm tội lần đầu, thời gian ngắn, gia đình có người có công với cách mạng, chấp hành chính sách của Nhà nước, hiện đang nuôi mẹ già, con nhỏ, bản thân bị cáo đang bị bệnh tim).

Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt chuyển qua khung hình phạt liên kè, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ phạm tội và xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị

cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú; đã nộp tiền thu lợi bất chính và là lao động chính trong gia đình, gia đình bị cáo có công với cách mạng theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng, ảnh hưởng xấu đến cộng đồng và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam, đồng thời là nguyên nhân gây ra các căn bệnh xã hội, do đó cần có hình phạt phù hợp đối với bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo hình phạt 05 năm tù là phù hợp với hành vi, tính chất mức độ bị cáo đã thực hiện. Bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, mặt khác bị cáo kháng cáo nhưng không bổ sung được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Vì vậy, kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

Về kháng cáo xin hưởng án treo, xét thấy hành vi của bị cáo là nghiêm trọng trong tình hình tội phạm về mại dâm hiện nay đang diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến trật tự công cộng, an toàn xã hội và công tác phòng chống tội phạm. Do đó, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội, có hình phạt nghiêm khắc để đảm bảo tính răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Việc cho bị cáo hưởng án treo là không phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi bị cáo thực hiện. Do vậy, kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Ý kiến người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[6] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[7] Án phí phúc thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của của bị cáo **Nguyễn Thị T**. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 65/2024/HSST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;

1.1 Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị T** phạm tội “Chứa mại dâm”.

1.2 Áp dụng khoản điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T** 05 (năm) tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đề thi hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/4/2023 đến ngày 04/5/2023.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo **Nguyễn Thị T** phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An (02);
- Viện kiểm sát nhân thành phố Dĩ An;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Công an thành phố Dĩ An;
- Bị cáo;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú (02);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT, NHĐ, 20.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Huỳnh Đức